

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09-4-2019

Tranh chấp ly hôn, nuôi con
và chia tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hiền

2. Bà Quách Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Chí Tâm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:

Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/3/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp A, xã N, huyện V, tỉnh Kiên Giang (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp G, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh H kết hôn năm 2015, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới chị T, anh H sinh sống tại nhà ông N (nhà ông ngoại chị T) thuộc ấp A, xã N, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Quá trình chung sống chị T, anh H

bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, cuộc sống gia đình không hạnh phúc nên đến tháng 02/2018 anh H về nhà cha mẹ ruột ấp G, xã B ở và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay vợ chồng không thể chung sống với nhau được nên chị T xin ly hôn.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Nhật D, giới tính: nam, sinh ngày 25/9/2016, từ khi ly thân đến nay chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con. Nay chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung*: Chị T yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản chung theo biên bản thỏa thuận phân chia tài sản chung đề ngày 27/02/2019 là giao cho anh H quản lý sử dụng 03 chỉ vàng 24k 9999 và 01 chiếc xe hiệu Nouvo, biển số 68-L1009.38, anh H có trách nhiệm giao giá trị xe cho chị T là 5.500.000đ vào ngày 28/5/2019.

- *Về nợ chung*: Chị T xác định vợ chồng không nợ ai.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 04/01/2019 bị đơn đơn anh Nguyễn Ngọc H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Thống nhất lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, thời gian vợ chồng sống ly thân. Anh H xin hàn gắn, nếu chị T cương quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Thống nhất lời trình bày của chị T về con chung, anh H yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung*: Thống nhất lời trình bày của chị T về tài sản chung của vợ chồng. Anh H yêu cầu được nhận xe và giao 03 chỉ vàng 24k 9999 cho chị T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Ngọc H. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhật D, giới tính: nam, sinh ngày 25/9/2016 cho chị T nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu nên không xem xét; Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận ngày 27/02/2019 giữa chị T và anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Nguyễn Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét

thấy sự vắng mặt của anh H không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H.

[2] *Quan hệ pháp luật tranh chấp*: Nguyên đơn chị T yêu cầu ly hôn với bị đơn anh H, yêu cầu nuôi con chung và chia tài sản chung. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*: Chị T và anh H được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2015, anh chị chung sống là tự nguyện và không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, quá trình chung sống anh, chị không đến Ủy ban nhân dân có thẩm quyền để đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và Gia đình thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Nay anh, chị mâu thuẫn và chị T xin ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh H.

[4] *Về con chung*: Chị T, anh H xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Nhật D, giới tính: nam, sinh ngày 25/9/2016. Chị T, anh H đều yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy cháu D vẫn chưa đủ 36 tháng tuổi, chính quyền địa phương xác nhận chị T có đủ điều kiện nuôi con, cháu D hiện đang sống với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 (*quy định về việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn*) của Luật hôn nhân và gia đình 2014, giao cháu Nguyễn Nhật D, giới tính: nam, sinh ngày 25/9/2016 chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Do chị T không yêu cầu nên không xem xét.

[6] *Về tài sản chung*: Anh H, chị T thống nhất xác định tài sản chung là 01 chiếc xe hiệu Nouvo, biển số 68-L1009.38 có giá trị là 11.000.000đ và 03 chỉ vàng 24k 9999 (các tài sản trên do anh H đang quản lý). Xét thấy tại văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung đề ngày 27/02/2019 chị T, anh H thống nhất thỏa thuận phân chia tài sản chung là giao cho anh H quản lý sử dụng 03 chỉ vàng 24k 9999 và 01 chiếc xe hiệu Nouvo, biển số 68-L1009.38, anh H có trách nhiệm giao giá trị xe cho chị T là 5.500.000đ vào ngày 28/5/2019, chị T và anh H đều thống nhất đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản chung trong bản án, quyết định của Tòa án. Do sự thỏa thuận của anh H, chị T là hoàn toàn tự nguyện nên được ghi nhận.

[7] *Về nợ chung*: Chị T, anh H đều xác định không thiếu nợ ai.

[8] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, nguyên đơn chị T chịu toàn bộ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung chị đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 57, của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; các Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Ngọc H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhật D, giới tính: nam, sinh ngày 25/9/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng (cháu D chung sống với chị T), anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Ngọc H và chị Nguyễn Thị Kim T về chia tài sản đối với các tài sản được nêu tại văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung đề ngày 27/02/2019.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim T chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002243 ngày 24/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Kim T số tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0002244 ngày 24/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/4/2019). Bị đơn anh Nguyễn Ngọc H vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Bình Nam;
- UBND xã Vĩnh Bình Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng